

Mẫu số 09

Mã hiệu:.....

Số:.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo giấy rút dự toán/ ủy nhiệm chi số Ngày 03 tháng 6 năm 2025)

Tài khoản dự toán: x Tài khoản tiền gửi

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường THCS Ngọc Liên

2. Mã đơn vị: 1058284

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: 2306201007918 Tại NH: Agribank huyện Cẩm Giàng

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền phụ cấp dạy trẻ KT năm học 2024 -2025+ giáo viên có thu nhập thấp

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú	
		Số tài khoản người thụ hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Phụ cấp dạy trẻ KT	Phụ cấp giáo viên có thu nhập thấp	Phụ cấp CTP	Tiền khoán			
										VPP	CT phí		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	Tổng số			138.744.000	-	-	134.544.000	4.200.000	-	-	-	-	
1	Đặng Thị Thắm	2306215006585	Agribank Cẩm Giàng	1.152.500			1.152.500						
2	Lê Văn Tuấn	2306215002250	Agribank Cẩm Giàng	4.182.400			4.182.400						
3	Ng. Thị Thanh Thủy	2306215002272	Agribank Cẩm Giàng	12.562.900			12.562.900						
4	Nguyễn Văn Xuân	2306215002289	Agribank Cẩm Giàng	1.956.800			1.956.800						
5	Phạm Thị Chi	2306215002295	Agribank Cẩm Giàng	11.171.400			11.171.400						
6	Hồ Thế Sơn	2306215002300	Agribank Cẩm Giàng	6.973.600			6.973.600						
7	Vũ Thị Huỳnh Nga	2306215002316	Agribank Cẩm Giàng	9.298.200			9.298.200						
8	Vũ Thị Hương	2306215002322	Agribank Cẩm Giàng	7.341.000			7.341.000						
9	Nguyễn Thị Tươi	2306215002339	Agribank Cẩm Giàng	1.640.700			1.640.700						
10	Nguyễn Thị Huyền	2306215002345	Agribank Cẩm Giàng	7.980.000			7.980.000						
11	Phùng Thị Liên	2306215002401	Agribank Cẩm Giàng	2.698.200			2.698.200						

12	Nguyễn Thị Ánh	2306215002424	Agribank Cẩm Giàng	9.304.000			9.304.000						
13	Nguyễn Thị Sao	2306215002430	Agribank Cẩm Giàng	4.000.000			4.000.000						
14	Nguyễn Quang Hách	2306215002453	Agribank Cẩm Giàng	4.893.500			4.893.500						
15	Hoàng Duy Đông	2306215006510	Agribank Cẩm Giàng	9.527.300			9.527.300						
16	Vũ Thị Thiện	2306215004935	Agribank Cẩm Giàng	6.758.200			6.758.200						
17	Đỗ Văn Thự	2306215002526	Agribank Cẩm Giàng	3.475.800			3.475.800						
18	Ngô Vi Thái	2306215002447	Agribank Cẩm Giàng	4.420.000			4.420.000						
19	Lương Bá Sơn	2306215038307	Agribank Cẩm Giàng	3.602.200			3.602.200						
20	Nguyễn Thị Xinh	2306205156467	Agribank Gia Bình	1.503.600			1.503.600						
21	Vũ Yến Nhi	2306215038835	Agribank Cẩm Giàng	1.898.600			1.898.600						
22	Vũ Thị Ngọc	2306215039578	Agribank Cẩm Giàng	2.514.900			2.514.900						
23	Đinh Thuý Hạnh	2306205340416	Agribank Cẩm Giàng	1.020.400			1.020.400						
24	Nguyễn Thị Thơm	2306205427232	Agribank Cẩm Giàng	8.328.700			4.128.700	4.200.000					
25	Nguyễn Thị Mỹ	2306205412416	Agribank Cẩm Giàng	1.872.800			1.872.800						
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	2608205362840	Agribank Lương tài- BN	7.399.600			7.399.600						
27	Vũ Thị Quyền	2306215011086	Agribank Cẩm Giàng	541.000			541.000						
28	Cao Thị Phụng	2306999289999	Agribank Cẩm Giàng	725.700			725.700						

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Tổng lương và phụ cấp T6/2025:

đồng

Tổng lương và phụ cấp T5/2025:

đồng

Chênh lệch so với tháng 5 tăng :

- đồng

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lương Thị Mai

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lương Thị Mai

Ngày 03 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**HIỆU TRƯỞNG
ĐẶNG THỊ THẨM**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/ Giao dịch viên

Ngày...thángnăm

Giám đốc KBNN khu vực V

